

GIÁO DỤC NHO HỌC VÙNG BẮC TRUNG BỘ QUA HƯƠNG ƯỚC TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THẾ KỶ XIX

TRỊNH THỊ HÀ*

Vùng Bắc Trung Bộ - chỉ khu vực bao gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế (nay gồm các tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp.Huế) có lịch sử hình thành, phát triển gắn liền với quá trình Nam tiến, mở rộng lãnh thổ về phía Nam của các triều đại quân chủ Việt Nam. Mặc dù so với vùng đồng bằng Bắc Bộ, quá trình lịch sử ra đời muộn hơn nhưng khu vực này cũng sớm có truyền thống giáo dục, khoa cử Nho học khi ngay từ thế kỷ XVII, nơi đây (chủ yếu các địa phương Thanh Hóa, Nghệ An) đã xuất hiện nhiều Nho sĩ làm việc và đóng góp sức mình cho quốc gia Đại Việt. Trải qua thời gian cho đến thế kỷ XIX, Bắc Trung Bộ trở thành một trong những khu vực có nền giáo dục Nho học và truyền thống khoa cử phát triển khi nơi đây là quê hương của nhiều Nho sĩ có những đóng góp to lớn cho các triều đại quân chủ và văn hóa dân tộc. Có được thành tựu đó, một phần do sự khuyến khích giáo dục Nho học của các Nhà nước quân chủ, mặt khác có sự động viên của chính quyền làng xã. Sự quan tâm đó được thể hiện rất rõ thông qua những quy định của hương ước về quản lý việc học cùng các chế độ đãi ngộ của làng xã đối với việc học, khảo khóa, thi cử (có nơi gọi là tục lệ, khoán lệ, khoán định...). Quy định những vấn đề giáo dục qua hương ước cho thấy làng xã vùng Bắc Trung Bộ rất

coi trọng việc học ở cấp cơ sở, đề cao chính sách giáo dục Nho học của Nhà nước và việc vận dụng một cách hợp lý các chính sách đó vào từng địa phương cụ thể. Bài viết bước đầu tìm hiểu về giáo dục Nho học ở vùng Bắc Trung Bộ thông qua hương ước từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX.

1. Khái quát về vấn đề giáo dục qua hương ước

Hương ước là văn bản pháp lý của mỗi làng, trong đó bao gồm các điều ước về dân sự, hình sự, các điều ước giữ gìn đạo lý, về phong tục, tập quán (1). Tuy nhiên, theo nhóm tác giả Nguyễn Hữu Thông, Trần Đình Hằng, Lê Anh Tuấn lại cho rằng đối với khu vực miền Trung, nhất là các làng xã vùng Thừa Thiên Huế, thuật ngữ hương ước thuộc “phạm trù khái niệm hơn là nhằm biểu thị một văn bản hay một loại hình văn bản cụ thể. Khái niệm hương ước ở đây nhằm chỉ thị một hệ thống các quy định bao gồm cả những điều khoản ghi trên giấy lẫn tục lệ, tập quán trong quan niệm lẫn hành vi, và đã trở thành nếp ứng xử của cộng đồng, gọi là *khoán lệ*, *khoán định*, hay *khoán cấm* (2). Do đó khi tìm hiểu tục lệ, hương ước làng xã vùng Bắc Trung Bộ, ngoài các bản tục lệ, điều ước, hương ước, cũng cần tiếp cận các văn bản có tên là khoán ước, khoán định, nghị ước... (trong bài viết, tác giả gọi chung là hương ước).

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Trên cơ sở khảo sát 49 văn bản hương ước vùng Bắc Trung Bộ có đề cập đến giáo dục Nho học (3), số điều khoản về giáo dục giữa các văn bản không giống nhau. Đó là:

- Số bản hương ước có điều khoản dao động từ 1-5 điều gồm 30 bản (chiếm: 61,2%), tập trung chủ yếu ở các địa phương thuộc Thanh Hóa với 10/11 bản; Nghệ An với 9/20 bản; Hà Tĩnh 2/6 bản; Quảng Trị gồm 2 bản (Quảng Bình: 1 bản; Quảng Trị: 1 bản); Thừa Thiên Huế (nay là Tp. Huế) với 8/10 bản.

- Số bản hương ước có số điều về giáo dục dao động từ 6-10 điều có 12/49 bản (chiếm: 24,5%), phân bố đồng đều ở làng xã Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.

- Số bản hương ước có số điều lệ về giáo dục trên 10 điều: 7/49 bản (chiếm 14,3%), gồm các bản: Hương ước làng Quỳnh Đôi (Nghệ An) có 21/118 điều, Hương ước làng Viên Sơn (Nghệ An) có 16/89 điều, Hương ước làng Hào Kiệt (Nghệ An) với 11/35 điều; Tục lệ thôn Yên Cư (Nghệ An) có 21/72 điều, Hương ước xã Phù Lưu (Hà Tĩnh) có 12/59 điều; Điều lệ Văn hội, xã Nhân Canh (Hà Tĩnh) có 13/40 điều.

Như vậy, số điều lệ phản ánh ít nhất trong hương ước vùng Bắc Trung Bộ là 1 điều, nhiều nhất là 21 điều thuộc hai bản: Hương ước làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu (nay thuộc xã Quỳnh Anh) và Tục lệ thôn Yên Cư, huyện Hưng Nguyên (nay thuộc xã Hưng Nguyên Nam) đều thuộc Nghệ An. Về tỷ lệ số điều lệ giáo dục so với tổng số điều khoản của cả văn bản hương ước: bản Tục lệ thôn Yên Cư có 21/72 điều (chiếm 21,2%), cao hơn so với bản Hương ước làng Quỳnh Đôi: 21/118 điều (chiếm 17,8%). Đây cũng là 2 bản hương ước phản ánh khá đầy đủ các khía cạnh giáo dục Nho học làng xã trong tổng số 49 bản hương ước mà chúng tôi tìm hiểu.

Trong 49 bản hương ước, có 286 điều đề cập đến giáo dục với nhiều khía cạnh khác nhau như trong bảng 1.

Từ bảng 1 có thể thấy, nội dung giáo dục phản ánh chủ yếu nhất qua hương ước làng xã Bắc Trung Bộ là việc thực thi các ân điển của làng xã dành cho những người thi cử đỗ đạt, nhiều nhất là hình thức ban thưởng vật chất như tiền, câu đối, trướng, trâu cau, rượu chè, cờ, ruộng học điền, biếu lễ vật cúng tế (26,2%); chỗ ngồi của những người xuất thân theo lối khoa bảng trong các cuộc họp, buổi lễ của làng trong

Bảng 1: Tỷ lệ các vấn đề giáo dục được phản ánh qua hương ước

Stt	Nội dung	Số điều	Tỷ lệ (%)
I	<i>Hoạt động tổ chức giáo dục</i>		
1	Thầy giáo	10/286	3,5
2	Học sinh	30/286	10,5
3	Chế độ khảo hạch	10/286	3,5
4	Câu khoa	7/286	2,4
5	Kinh phí cho việc học, việc thi	21/286	7,3
II	<i>Ân điển dành cho người đỗ đạt khoa trường, xuất thân khoa bảng</i>		
1	Vinh quy bái tổ	27/286	9,4
2	Thưởng tiền, câu đối, trướng, trâu cau, rượu, cờ, ruộng học điền, biếu lễ vật	75/286	26,2
3	Vị trí chốn đình trung	36/286	12,6
4	Tham gia các công việc quan trọng nơi làng xã	28/286	9,7
5	Miễn sưu dịch, đóng góp hương ẩm	17/286	5,9
III	<i>Hoạt động của Văn từ, Văn chỉ</i>	26/286	9,0
Tổng số			100%

đình làng, Hội Tư văn (chiếm 12,6%); tham gia các công việc nơi làng xã (tham gia viết văn tế, soạn hương ước, chủ tế, giữ chức vụ Lý trưởng, Thủ bạ, Xã trưởng) chiếm 9,7%. Tổ chức nghinh tiếp, đón rước các tân khoa về vinh quy bái tổ: 9,4%. Miễn sưu dịch, đóng góp hương âm: 5,9%.

Đối với hoạt động tổ chức giáo dục, có 10/286 điều (chiếm tỷ lệ 3,5%) quy định về việc lựa chọn thầy giáo, cùng yêu cầu trách nhiệm đối với thầy, xử phạt thầy khi không làm đúng chức trách của mình; 30 điều (chiếm 10,5%) là những quy định về việc khuyến khích học trò trong làng đến tuổi đi học, các nghĩa vụ khi tham gia học tập trong làng; 21/286 điều (chiếm 7,3%) đề cập đến kinh phí học tập, trả lương cho thầy, mà hình thức để có kinh phí chủ yếu dựa vào đóng góp tiền của của các thành viên trong làng, đặt ruộng học điền..., trong đó việc đặt ruộng học điền là phương thức phổ biến được nhiều làng xã thực hiện hơn cả. Có 10/286 điều (chiếm 3,5%) quy định về lệ khảo hạch học trò nơi làng xã. Có 7 văn bản hương ước (chiếm tỷ lệ 2,4%) đề cập đến *câu khoa*, một nghi thức cúng bái tại đình làng hoặc Văn từ, Văn chỉ mỗi khi làng có người tham dự thi cử. Từ tỷ lệ các điều trong hương ước có thể thấy, làng xã rất quan tâm đến việc đề ra những quy ước khen thưởng dành cho người đỗ đạt. Có lẽ họ coi đó là những vấn đề quan trọng nên đã lập thành quy ước để mọi người cùng tuân theo.

2. Tổ chức giáo dục

Về địa điểm trường/lớp: Trong các thế kỷ XVII-XIX, ở cấp làng xã, ngoài các lớp học của các thầy đồ, các danh sĩ về quê dựng mở thì trường học, lớp học do nhân dân đóng góp xây dựng ở vùng Bắc Trung Bộ cũng từng bước manh nha hình thành, trong đó chủ yếu là các trường được dựng thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX. Mỗi

làng, tùy thuộc vào điều kiện sẽ có những quy định riêng về địa điểm, nội quy, kinh phí, mời thầy, thưởng phạt... nhằm đem lại hiệu quả cao trong việc dạy và học.

Qua một số văn bản hương ước Nghệ An, Hà Tĩnh có niên đại thế kỷ XVII-XIX khi đề cập đến việc dựng trường cho biết, có ít làng dựng trường học ngay trên quỹ đất công của làng, chủ yếu dùng chính Văn từ, Văn chỉ của thôn, làng để làm nơi dạy học. Theo tục lệ của thôn Bùi Châu, xã Bùi Ngõa, tổng Hải Đô: “Trường học lấy Văn từ bản xã làm nơi học, trong xã người nào có con cháu đến học, chỉ có lẽ theo mùa, nhiều ít tùy tâm” (4). Ở làng Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh (nay thuộc xã Nghi Xuân, Hà Tĩnh), trường học được đặt ngay tại Từ vũ của làng. Theo quy ước của làng, Từ vũ không chỉ là nơi tổ chức tế lễ Tết Nguyên Đán hàng năm, lễ Tam hiến mừng cho người đỗ đạt của làng mà vào những dịp đầu xuân, đây còn là nơi để tổ chức ôn tập, khảo hạch đánh giá năng lực các nho sinh trong làng. Hoặc theo quy định của Hương ước xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh (nay thuộc xã Mai Phụ, Hà Tĩnh), lập năm Tự Đức thứ 7 (1854), Từ vũ của xã đặt tại thôn Cồn Thả, là nơi phụng thờ Tiên thánh, Tiên hiền và các Tiên sinh đã đỗ đạt. Hàng năm đầu xuân thực hiện việc khảo thí tại Từ vũ (5). Việc sử dụng Văn từ, Văn chỉ làm nơi dạy học vừa tiết kiệm tiền xây dựng trường lớp, vừa lấy nơi thờ tự người khai mở việc học để giáo dục tinh thần học tập cho học sinh. Đó là sự sáng tạo trong hoạt động giáo dục của một số làng xã vùng Bắc Trung Bộ.

Về kinh phí: Để có kinh phí tu bổ, duy trì hoạt động trường học nơi làng xã, các thôn xã đã thực hiện nhiều biện pháp như: trích từ quỹ công, thu tiền của sĩ tử mới nhập học, bán thóc lúa dự trữ, trích thuế ruộng, đặt ruộng khuyến học để lấy hoa lợi

phục vụ cho việc học trong làng, trả lương cho thầy, trong đó chủ yếu nhất là đặt ruộng học điền. Học điền hay còn gọi là ruộng khoa mục, là loại ruộng do nhà nước hay làng xã, dòng họ... dành riêng để trồng cấy, lấy hoa lợi để chi phí cho việc học. Đối với làng xã Việt Nam thời phong kiến, việc đặt ruộng học điền được thực hiện từ thế kỷ XVIII trở đi và dần trở nên phổ biến từ thế kỷ XIX. Thông thường học điền được dùng trả lương cho thầy, mua giấy bút, thưởng những người đỗ đạt và được xem như sở hữu của làng xã. Trong Hương ước làng Quỳnh Đôi (Nghệ An), làng An Gia, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế), thôn Phú Văn, huyện Yên Thành (nay thuộc xã Đông Thành, Nghệ An), xã Phù Lưu (Hà Tĩnh),... đều có ruộng học điền để chi cho việc học tập. Theo lệ định xã Phù Lưu, phần ruộng công điền của làng được chia thành 4 loại ruộng: ruộng quan viên, ruộng dưỡng lão, ruộng binh và ruộng khuyến học: “Đặt ruộng khuyến học 4 mẫu 10 thước, trong đó 2 mẫu tại xứ đông Hồ, xứ Cồn Khâu phía đông gần ruộng khai bạ, tây là đường đi, nam là khe núi, bắc gần ruộng tế Tuất) còn 2 mẫu nữa và 10 thước ở xung quanh đền (đông gần ruộng tế Đinh, tây gần ruộng tư, nam là đường đi, bắc gần Cồn). Số ruộng ấy giao cho các Lân trưởng (trưởng xóm cày cấy), hàng năm chiếu thu thóc như các thửa ruộng ở xung quanh đền, chỉ thu vụ hè mỗi mẫu 10 phương (mỗi phương 50 bát). Ruộng ở xứ đông Hồ vụ hè mỗi mẫu 10 phương, vụ thu mỗi mẫu 5 phương. Số thóc ấy dùng để nuôi thầy (6). Cũng theo lệ làng, làng thực hiện việc đặt tiền vay lãi 75 quan, giao cho các Lân trưởng luân lưu giữ, mỗi vụ chiếu thu tiền lãi 15 quan, nạp cho thầy để làm lễ *thúc tu* (quà biếu thầy). Nhờ có hoa lợi của ruộng này nên sự đóng góp tiền bạc của học

trò để trả lương cho thầy cũng sẽ được giảm đi hoặc bỏ hẳn không phải đóng góp. Theo quy định của làng An Gia (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế), thì làng cho học sinh mượn hơn 1 mẫu 5 sào ruộng để học sinh cày cấy để lấy hoa lợi trả lương cho thầy. Làng Ngọc Anh, xã Phú Thượng, Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường Mỹ Thượng, Tp. Huế) nhận thấy học trò của làng vì bị “bức bách việc lính, việc sưu, khiến cho thực học không có người vì nhiều người bị bắt đi lính” nên làng đã cho trích công điền 5 sào, giá tiền 30 quan đặt làm thù lao cho thầy dạy học” (7).

Theo lệ làng Quỳnh Đôi, để có kinh phí cho “cuộc xuân khóa” (khảo hạch đầu xuân), làng thực hiện việc quyên góp bằng tiền của các hạng dân trong làng theo hạng mức cụ thể. Theo đó: “quan viên, hương lão mỗi ông 5 tiền. Các ông lão đến tuổi 60, các cựu binh, các lý dịch mỗi người góp 2 tiền, nếu ông hương lão nào túng thiếu thì cho miễn”; “Người giàu mỗi người đóng 20 quan, người đủ ăn đóng 8 quan” (8).

Tổ chức việc khảo hạch cho học sinh:
Trong quá trình rèn tập, học trò trong làng phải trải qua kỳ khảo hạch. Mục đích của việc khảo hạch là nhằm kiểm tra, đánh giá năng lực tiến bộ hay thụt lùi của người học, cũng là cơ sở để làng thực hiện việc miễn lao dịch cho họ. Do đó đây là hoạt động rất cần thiết đối với học trò. Nếu học trò không tham dự sẽ có hình thức xử phạt thích đáng. Chẳng hạn, theo quy định làng Ngọc Anh (nay thuộc phường Mỹ Thượng, Tp.Huế) nếu học trò đến 20 tuổi mà không dự sát hạch, nếu là hạng đại tập thì bị ghi vào sổ bộ để chịu sưu sai. Nếu học trò đến 20 tuổi học lực khá, tình nguyện theo học thì được làng miễn trừ đao dịch, nhưng nếu mãn khóa 3 năm học mà học lực không tiến bộ thì chiếu theo hạng mà nộp tiền phạt (mỗi năm tiền sưu 20 quan).

Vì đây là việc quan trọng nên nhiều làng đã đưa thể lệ khảo hạch vào trong hương ước với những quy định về địa điểm, thời gian và nội dung làm bài khảo hạch. Theo lệ chung, học trò đủ 15 tuổi trở lên cứ ba năm một kỳ sẽ được kiểm tra để xem xét sổ học từng người phân cao thấp. Tuy nhiên, tùy điều kiện mỗi làng mà thời gian và địa điểm khảo hạch có khác nhau. Theo lệ làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc (nay thuộc xã Biện Thượng, Thanh Hóa) tổ chức khảo hạch vào ngày Sóc, Vọng (mồng 1 và ngày rằm) hàng tháng. Làng Quỳnh Đôi (nay thuộc xã Quỳnh Anh, Nghệ An) quy định ngày cụ thể hơn: vào ngày 16 tháng Giêng hàng năm, làng sẽ tổ chức lệ khảo hạch tại sân đình. Các thầy và học trò chưa đầy 40 tuổi nghe ba hồi trống đều đem lều chiếu và bút giấy ra đình trung, ai bỏ thiếu phạt 6 tiền, hương lão mở sách, quan viên ra bài. Các thầy làm xong bài, Tú tài chưa đầy 40 tuổi phải viết dâng tả, các thầy từ 40 tuổi làm sơ phúc khảo. Ai đậu hạng ưu, làng trừ công dịch một năm. Đậu hạng bình trừ nửa năm, đậu thứ hạng trừ ba tháng (9). Theo quy định làng Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay thuộc xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị) thì vào ngày tốt đầu xuân làng tiến hành khảo khóa học trò ngay tại đình làng một cách nghiêm túc, trong đó những người học kém hoặc bị phạt tiền hoặc chịu sai dịch, còn ai học giỏi thưởng hoặc cho lên phủ học tập. Theo lệ làng An Gia (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế) quy ước việc tổ chức việc khảo hạch tổ chức vào tháng Giêng, tại đình làng. Theo quy định của làng Khánh Vinh, vì học trò vừa tham gia cày cấy vừa học sẽ “thô sơ chẳng có thành tựu” nên làng yêu cầu trước mỗi khoa thi Nho học thì “Sau lễ Kỳ yên tháng Bảy, người sắp dự thi khoa trường hoặc chưa đến khoa

thi, thì phải thi hạch một vòng, ai trúng thì được thưởng, nhiều lần không trúng bị phạt roi để răn” (10). Theo lệ đình làng Ngọc Anh, học trò khi đủ 18 tuổi thì cho tế tựu sát hạch, văn lý mà khá thông thì được thưởng cho bút, giấy, mực; học trò thực học khá đủ văn trường để dự thi Hương thì được làng trừ việc binh đao và các việc trong làng để tiện việc theo học.

Việc khảo hạch học trò sẽ do hội Tư văn của làng (nếu làng có hội Tư văn), hoặc do bản xã, thôn đứng ra đảm nhận tổ chức. Thành phần giám khảo chấm khảo hạch cũng khá đa dạng, tùy quy định của mỗi làng. Theo lệ làng Quỳnh Đôi được bổ sung năm 1844, thành phần giám khảo cuộc thi khảo hạch gồm các quan viên (đã về hưu), hương lão, Tú tài.

Về cách thức kiểm tra khảo hạch, quy định của mỗi làng sẽ khác nhau. Theo lệ làng Bồng Trung (nay thuộc xã Biện Thượng, Thanh Hóa) yêu cầu ai làm được 1 bài thơ hoặc một bài tứ lục thì sẽ xếp loại đạt và thưởng cho bút, giấy. Trong khi theo quy định của làng xã tại Quảng Trị yêu cầu thầy giáo cùng với những người trong hội Tư văn sẽ lấy một vài thiên trong *Kinh truyện* xem thử sĩ tử có nhớ, đọc rành mạch và có am hiểu nghĩa lý của lời văn không. Đối với người thông thạo chút ít về kinh nghĩa, biết làm văn thể tứ lục đều được xét riêng các công việc nhằm nuôi dưỡng học trò để chấn chỉnh văn phong” (11). Theo lệ làng Ngọc Anh (nay thuộc phường Mỹ Thượng, Tp.Huế) thì kỳ khảo hạch gồm ba hạng đại tập, trung tập và tiểu tập. Sát hạch hạng đại tập gồm đủ 3 trường, hạng trung tập thì Kinh nghĩa 1 đề, văn sách 1 đạo; hạng tiểu tập thì làm câu đối.

Như vậy làng xã rất quan tâm đến việc khảo hạch học trò, dựa vào kết quả khảo hạch để có hình thức động viên học trò tiếp tục theo nghiệp bút thánh hiền hoặc xử

phạt, răn đe nhằm nêu cao tinh thần tự học. Theo quy định của làng An Gia (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế) qua kì khảo hạch nếu phát hiện học trò nào lêu lổng không chăm thì sẽ bị đánh 30 roi để răn đe (12). Theo lệ làng Quỳnh Đôi, từ kết quả khảo hạch, nếu học trò đậu hạng ưu được làng trừ công dịch một năm, hạng bình trừ nửa năm, đậu hạng thứ thì trừ ba tháng.

Những quy định của làng đối với thầy giáo, học trò

Đối với thầy giáo: Theo quy định của Nhà nước, người thầy giữ vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách và tiếp thu kiến thức của học sinh. Cho nên dù ở cấp học nào thuộc hệ thống trường học ở Kinh đô hay làng xã thì việc lựa chọn đội ngũ học quan đủ năng lực, phẩm hạnh là rất quan trọng, như vua Tự Đức đã nhấn mạnh: “Chọn người làm thầy dạy, hoặc sai mời thầy dạy riêng, hoặc sai đến tận nơi giảng tập” (13).

Việc chọn thầy giáo trong làng xã thường do các vị quan viên, lý dịch, kỳ mục, hoặc do cả bản xã đứng ra mời người về dạy học. Thầy giáo được mời thường là những nhân sĩ trong xã, huyện, đôi khi cả người ngoài xã. Họ có thể là quan về trí sĩ, có trình độ Tiến sĩ, Hương cống (thời Nguyễn là Cử nhân), Sinh đồ (Tú tài)... Theo quy định của xã Phù Lưu (nay là xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh) thì: hàng năm mời thầy về dạy học (thầy là Cử nhân hoặc Tú tài) cho học trò trong xã... Dù giữ học vị gì thì yêu cầu thầy phải là người có học thức, hạnh kiểm, mới có thể làm thầy dạy học. Thậm chí như quy ước của thôn Thượng An, huyện Quỳnh Lưu (nay thuộc xã Quỳnh Phú, Nghệ An): “Viên chức có học hạnh của bản thôn cũng được bầu làm thầy, dạy cho con em trong làng” (14).

Trong mỗi trường, có đặt thêm chức giáo quan riêng để trông coi việc học tập. Tục lệ

thôn Ngọc Điền, xã Do Lễ (nay là xã Hưng Nguyên, Nghệ An) cho biết, trường học của làng cho đặt chọn 2 viên kiểm soát, đến cuối tháng thân chinh đến trường kiểm tra. Ai học tập chuyên cần, văn chương tiến bộ quy định thưởng 1 quan diên tiền; người nào ăn chơi lêu lổng quy định phạt 30 roi. Nếu không thay đổi và tái phạm thì đuổi khỏi trường để làm nghiêm việc học” (15). Các thôn thuộc tổng Văn Tự, huyện Yên Thành (nay thuộc xã Văn Tự, Nghệ An) bầu ra một người giám trường trông nom trường học và lo các công việc hiếu hỷ của nhà thầy.

Nghĩa vụ của thầy: Thầy giáo là tấm gương phản chiếu cho trí tuệ, nhân cách để giáo dục học trò thế hệ tương lai của đất nước; chính những kiến thức giảng dạy của thầy sẽ góp phần định hình nhân cách cho học trò và góp phần xây dựng nền phong hóa theo chuẩn mực của Nho giáo, do đó Hương ước nhiều làng đã quy định người thầy phải giữ gìn phẩm chất tiết hạnh, làm tròn chức phận. Thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu (nay thuộc xã Quỳnh Anh, Nghệ An) là nơi có nhiều thầy dạy nhất của tỉnh Nghệ An. Làng đã đề ra những chế tài rất cụ thể đối với các thầy. Theo lệ làng lập năm Cảnh Hưng thứ 22 (1761) quy định: “Làng ta vốn là làng văn nhã, gần đây các thầy dạy học mượn tiếng làm nhãng, lảm tiếng đồn chê, cái tệ ấy rất nên ngăn cấm. Sau này các thầy còn giữ thói nhãng, làng biết ra làng chiêu theo lệ công làng bắt.. Điều này rất quan hệ đến phong hóa, phải mau yết thị để chỉnh phong nhã” (16).

Như vậy, việc nghiêm cấm của làng Quỳnh Đôi nói riêng, của các làng xã nói chung đều xuất phát từ vai trò rất quan trọng của người thầy. Nếu người thầy nào không làm đúng chức phận, vi phạm quy định của làng thì sẽ bị xử phạt, hình thức phạt tùy theo lệ từng làng. Đối với xã Yên Pháp, tổng Đô Yên, phủ Hưng Nguyên quy

định *không miễn sưu dịch* cho những người thầy không chuyên tâm vào công việc: “Nếu người đó theo nghề giáo, thời tập trung tâm trí vào việc, lao dịch của xã hết thầy đều châm chước cho miễn; nếu người đó xác thực là không chuyên tâm thì không theo lệ này” (17). Hoặc theo quy định xã Trí Lễ, tổng Đặng Sơn, phủ Anh Sơn (nay thuộc xã Đô Lương, Nghệ An) thì những chủ nhà không cần trọng trong việc chọn thầy, dẫn đến chọn sai người, chủ nhà cũng bị phạt 1 quan 2 mạch, đó là quy định của xã.

Khi thầy giáo được cử giữ các chức vụ sơ khảo, phúc khảo của kỳ thi khảo hạch cần nghiêm minh, công bằng, không được lấy ý kiến riêng của mình tranh biện phải trái, nếu ai vi phạm thì về sau làng không cử làm các chức giám khảo nữa, nặng hơn thì người thầy sẽ bị truy xuất ra khỏi hoặc không được vào hội Tư văn. Theo Khoán hội Tư văn làng Quỳnh Đôi quy định năm 1761 thì: Từ nay về sau, ai làm bậy trái đạo chúng ta, có ai giác ra, biết được rõ ràng, liền lấy lễ công xử và không cho vào hội Tư văn, lại thêm phạt nặng để giữ danh giá sĩ phong (18).

Đối với học trò: thông qua hương ước, làng xã quy định cụ thể về độ tuổi theo học và những nghĩa vụ của học trò, nhất là người đi học phải chăm chỉ học tập để thành tài “Trẻ con cần theo đuổi nghiệp học hành, ngày tháng chuyên cần đèn sách” (19). Nhiều làng ở vùng Bắc Trung Bộ yêu cầu việc đi học đối với con trẻ trở thành lệ bắt buộc mà gia đình nào cũng phải tuân theo, ngoại trừ gia đình nghèo khó, nếu không thực hiện sẽ bị phạt tiền. Độ tuổi trẻ đi học chủ yếu trong khoảng 7-8 tuổi, không phân biệt nam, nữ. Một số làng quy định muộn hơn, như làng Xuân Hòa, Hương Trà, Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường Kim Long, Tp.Huế): “Trong xã, người nào có con cháu từ mười lăm tuổi

trở lên, cha anh trình báo, bản xã cho chúng theo thầy học tập” (20).

Đến độ tuổi này, trẻ phải đến trường/lớp đi học để hiểu đạo lý làm người, trong đó con trai thì học hành tiến bộ để học lên cao hơn, con gái học để biết được phép tắc để lớn lên hiểu thuận với cha mẹ. Do đó, yêu cầu cho trẻ đi học được nhiều làng rất coi trọng. Nếu gia đình hoặc bản thân học trò không thực hiện sẽ bị làng xử phạt. Quy định làng Đan Tràng, huyện Nghi Xuân, (nay thuộc xã Cổ Đạm, Hà Tĩnh) bắt buộc con trai từ 7 đến 13 tuổi phải được đi học, trừ những gia đình quá nghèo, còn lại với những nhà có điều kiện hơi khá mà không cho con cháu đi học thì người đứng đầu xã và Hương hội xem xét trình với bản xã, đến nói rõ cho người ấy hiểu mà cho đi học. Nếu đã đến nói hàng tuần rồi, người ấy không có trở ngại gì mà vẫn không cho con đi học, bắt phạt 5 quan sung vào công quỹ. Nếu cha đã mất, thì chú bác anh em hoặc mẹ phải chịu lệ phạt ấy (21).

Nghĩa vụ của học trò: Khi theo học, học trò phải siêng năng học tập, không được bê trễ cũng như vi phạm nội quy trường học, vi phạm lệ làng. Nếu vi phạm bị xử phạt.

Dưới triều vua Tự Đức, quy định rất nghiêm khắc sự lười biếng của học trò. Chỉ dụ năm Tự Đức thứ 7 (1854) nêu rõ: “Nếu ai học tập trễ nải, không đủ hạn 10 chữ như trước, phải phạt 10 roi, cứ 10 chữ lại thêm lên 1 bạc. Kỳ thứ hai còn thiếu số, chiếu lệ đánh roi trách phạt và mỗi tháng giảm đi 1 quan về tiền cấp cho ăn học” (22). Mức phạt quy định trên đây được áp dụng không phân biệt trường công hay trường tư, trường học ở Kinh đô hay làng xã. Bởi vậy, trong khá nhiều bản hương ước vùng Bắc Trung Bộ đều có điều khoản nhắc nhở học sinh chăm chỉ học tập, nếu ai vi phạm một trong những lỗi như bỏ học, trốn học thường xuyên, mượn nhờ người học hộ đều bị làng

xử phạt dưới nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu là phạt tiền.

Theo quy định làng Quỳnh Côi (nay thuộc xã Quỳnh Anh, Nghệ An): học trò nên học chuyên cần không nên thất thường. Phạm trong thôn học trò xác thực có học, sức có thể dự thi, châm chước trừ việc riêng để biểu thị sự khích lệ. Nếu người nào học nhưng không chăm chỉ, bút nghiên sơ sài, bản thôn quy định phạt 3 quan để biểu thị sự trừng phạt. Nếu người học mà mượn người đi học hộ, học không chuyên cần thì bị phạt roi, tiền, rượu và chịu sai dịch như lệ thường. Các làng cũng nghiêm cấm người đi học mà lợi dụng ở nhà làm việc khác, nếu ai vi phạm thì bản thân người học trò đó sẽ bị tra hỏi, xử phạt bằng việc “Gạt bỏ tên ấy bắt phải chịu sai dịch thuế khóa. Phạm lại sẽ có phạt đánh gậy” (23).

Đối với những đứa trẻ trong làng không theo học nhưng lại ăn chơi lêu lổng thì vào kỳ binh dịch mà gặp chân binh lính bị khuyết, phải bắt đi điền thế, để đảm bảo công bằng giữa người nhọc nhằn và người rảnh rỗi. Làng Ngọc Anh (nay là phường Mỹ Thượng, Tp.Huế) xử phạt rất nghiêm học trò có hành vi lừa dối. Theo đó nếu ai mượn tiếng học nhưng lại ngấm đi tuyển mộ lính hay vào các sắc lính, sắc thợ mà bị gửi đơn về trình thì làng trách cứ cha anh, phạt thu tiền phí 50 quan. Nếu Lý trưởng đương chức ký nhận cho thì phạt tiền 30 quan, Tộc trưởng bị phạt tiền 20 quan giao cho lý dịch chiếu thu sông công; bản thân người học trò đó bị trục xuất ra khỏi làng, để răn tội không thuận với làng xóm. Học trò không được lợi dụng việc học để mà trục lợi, nếu bị làng phát hiện sẽ xử phạt bằng tiền và cấm túc việc đi học. Như làng Diên Nội, Nông Công, Thanh Hóa (nay thuộc xã Công Chính, Thanh Hóa) phạt tiền 1 quan, 1 mạch cấm không cho đi học lại; làng Cổ Đồi (nay thuộc xã Trung Chính, Thanh Hóa) phạt tiền 1 quan 2 mạch.

Đặc biệt tệ cờ bạc, rượu chè xảy ra ngày càng nhiều trong các thôn làng đã ảnh hưởng không nhỏ đến cả đối tượng học sinh. Để chấn chỉnh tệ xấu này, một số làng đã đưa vào hương ước điều khoản nghiêm cấm học trò có hành vi đánh bạc để chuyên tâm học tập, học trò nào vi phạm thì bị làng xử phạt tiền hoặc xử phạt vật chất. Hương ước làng Bông Trung, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa (nay thuộc xã Biện Thượng, Thanh Hóa) quy định nếu các nho sinh trúng trường, Giám sinh, Sinh đồ có hành vi tham gia đánh bạc bị phạt lợn trị giá 2 quan tiền.

Hương ước của một số làng còn quy định vào những dịp tiết lễ, tế lễ quan trọng của làng, các học trò phải tham dự đầy đủ, có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ được làng xã phân công. Điều lệ làng An Gia (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế) quy định: Theo lệ định hàng năm, từ lễ cầu an trở đi, trong diện tế phải giữ nghiêm túc, nên cử một vị tướng lễ và thôi suất 14 học sinh. Trong số học sinh ấy thì 10 người làm lễ, 4 người đứng hầu. Khi dự tế lễ phải có đủ quần áo, mũ, hài. Kẻ nào dám trái với điều ấy thì phải chịu đòn 30 roi (24).

3. Chế độ đãi ngộ khuyến khích việc học, thi cử

Làm lễ cầu khoa: Để khuyến khích việc học một số làng xã vùng Bắc Trung Bộ đã thực hiện *lễ cầu khoa*, đây là một tập tục phổ biến ở những làng có truyền thống học hành, thi cử, mong muốn có nhiều sĩ tử công danh thăng tiến. Theo đó, vào các kì thi Hương, thi Hội trước khi học trò trúng cách dự thi, thì làng biện lễ cầu khoa Thánh chỉ hoặc ở đình thờ Thành hoàng của làng, mong mỗi khoa thi làng có thêm nhiều người đỗ đạt. Hương ước các làng ở Nghệ An, Hà Tĩnh như xã Yên Vĩnh, huyện Chân Lộc (nay thuộc xã Gia Hanh, tỉnh Hà Tĩnh); các làng Phúc Long (nay thuộc xã Hưng Nguyên, Nghệ An), Bùi

Khổng (nay thuộc xã Yên Trung, Nghệ An), Thượng Khê (nay thuộc xã Hưng Nguyên, Nghệ An), làng Nhân Anh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh (nay thuộc xã Kỳ Văn, Hà Tĩnh) đều ghi chép những thông tin liên quan đến lễ cầu khoa. Thời gian tổ chức lễ cầu khoa thường là ngày tốt của tháng 1 trước kỳ thi. Tại Nghệ An, lễ cầu khoa được tổ chức ở Văn Miếu, Văn chỉ nơi thờ Khổng Tử cùng các vị Tiên hiền hoặc ở đình, đền nơi diễn ra các hoạt động tế lễ của địa phương. Theo quy định của làng Phú Văn (nay thuộc xã Đông Thành, Nghệ An) nêu rõ: Gặp khoa thi Hương, Tú tài và sĩ nhân đi thi làng biện xôi trâu rượu ba mâm cùng đến miếu làm lễ cầu khoa. Cử nhân đi thi Hội thì biện 5 mâm lễ phẩm 10 mâm xôi (25). Thành phần tham gia vào lễ cầu khoa khác nhau. Như quy định của thôn Quỳnh Đôi (nay thuộc xã Quỳnh Anh, Nghệ An), thôn Phúc Long (nay thuộc xã Hưng Nguyên, Nghệ An) thành phần là các viên chức trong hội Tư văn. Cầu khoa là một hình thức khuyến học về mặt tinh thần, một hoạt động mang tính tâm linh, tạo tâm lý ổn định cho các sĩ tử tự tin bước vào kỳ thi sau những tháng ngày dùi mài kinh sử, cầu mong một kỳ khoa cử rục rở. Lễ cầu khoa còn thể hiện sự tôn kính, sùng bái văn học, coi trọng phong hóa của các thôn xã nơi đây.

Trả lương thầy và các ân điển cho thầy và trò

Đối với thầy giáo: Với tâm niệm “Đạo của việc học rất quý có được người thầy, mà lộc nuôi dưỡng thầy cần có học điền”, do đó hầu hết các làng xã đều dựa vào học điền, lấy hoa lợi của học điền để trả lương cho thầy. Việc trả lương cho thầy dựa vào học điền được thực hiện theo nguyên tắc: giao trực tiếp cho thầy quản lý hoặc giao cho người trông cấy, lấy hoa lợi trả lương thầy hoặc nộp lúa cho thầy sau khi thu hoạch, hoặc trích 100 quan ở kho thóc dự

trữ để trả lương cho thầy. Hoặc giao học điền cho chính học sinh của xã cày cấy, tự liệu lấy thóc làm lương trả cho thầy. Số ruộng trích làm ruộng học điền tùy thuộc vào điều kiện từng xã nhiều ít có khác nhau. Toàn dân thôn Bùi Châu, xã Bùi Ngõa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Yên Trung, tỉnh Nghệ An) đã cho đặt 3 mẫu học điền để trả lương cho thầy, giao cho một đình nam gánh nước cho thầy hoặc để thầy sai khiến khi có việc, đặt 2 sào ruộng cho phép người đó canh tác để lấy hoa lợi.

Ngoài trả lương thông qua hình thức hưởng hoa lợi lộc điền, một số làng còn thực hiện việc kính biếu lễ vật cho thầy vào các dịp lễ tiết hàng năm. Nhất là vào những dịp lễ tết như Đọan Ngọ, Thường tân, Nguyên Đán. Theo lệ làng Cổ Đô (làng cổ ở Thanh Hóa), hàng năm vào ba tiết này, mỗi tiết làng dành mừng thầy 2 quan tiền, y phục hàng năm trị giá 6 quan giao cho thầy. Khi thầy qua đời, làng tổ chức việc tống táng và như quy định của làng Đông Xuyên, xã Quảng An, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp. Huế) thì sau khi thầy qua đời, bốn làng có lệ cho lưu lại số ruộng khẩu phần tại nhà đến 2 năm sau (26). Bản thân người làm nghề thầy giáo cũng được làng miễn việc tạp dịch hoặc các khoản đóng góp cho làng. Theo lệ làng Bồng Trung (nay thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa) những người đến 20 tuổi theo nghề thầy giáo thì được miễn tạp dịch để tập trung vào việc dạy học.

Đối với học trò: Các làng đều thực hiện nhiều chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ người đi học vượt qua khó khăn tham gia học hành, thi cử, gồm: miễn lao dịch (gồm đắp đê, làm đường, tu sửa cầu cống...), binh dịch, thưởng tiền nếu chăm chỉ học tập hoặc thi cử đỗ đạt. Chẳng hạn theo lệ làng Phú Nghĩa (nay thuộc xã Quỳnh Phú, Nghệ An): nếu các sĩ nhân đang

theo học thì làng sẽ miễn trừ việc đóng tiền tạp dịch và tiền phụng dưỡng. Đối với thuế thân, tùy theo năm theo học mà giảm trừ: khóa sinh trừ nửa năm, thí sinh trừ 1 năm, người đỗ nhất trường, nhị trường trừ 3 năm. Số còn lại chịu nửa phần thuế thân để tỏ rõ sự khác biệt dân thường và biểu thị khuyến khích (27).

Theo quy định của làng xã xưa, con trai từ 18 tuổi trở lên được xếp vào hạng tráng đinh, phải chịu siu sai, tạp dịch như mọi thành viên khác trong làng xã. Tuy nhiên, nếu đến độ tuổi mà người đó đang theo học, dự thi cử thì làng cho miễn trừ đối với các nghĩa vụ này. Đối tượng học trò được miễn giảm sưu thuế có khác nhau giữa các địa phương: có nơi miễn cho tất cả những người đi học, có nơi miễn cho người đi học theo độ tuổi 16, 20 hoặc 30 tuổi, khóa sinh, thí sinh, sĩ tử trúng hạng bình trở lên; có nơi miễn cho người có văn bằng, thí sinh trúng nhất trường trở lên... Nhìn chung người đỗ càng cao trừ công dịch càng nhiều. Việc miễn giảm phu phen, tạp dịch cho học trò được quy định rất cụ thể trong hương ước làng xã thuộc Thanh Hóa, Nghệ An, tiêu biểu là các làng thuộc các huyện ở Thanh Hóa như: Cổ Đồi, Nông Cống, Thanh Hóa (nay thuộc xã Trung Chính, Thanh Hóa), Đồng Lương (nay thuộc xã Thắng Lợi, Thanh Hóa), làng Đông Đoài, Thọ Xuân (nay thuộc xã Thọ Long, Thanh Hóa), làng Diễn Nội (nay thuộc xã Công Chính, Thanh Hóa). Tuy nhiên, có một số làng yêu cầu học trò phải đem trâu cau đến đình trình với bản tộc thì làng mới xem xét miễn trừ cho các nghĩa vụ này: “Người nào tình nguyện theo học, đem trâu cau 10 miếng, tiền 1 quan 5 mạch nộp cho nhiều. Phàm thuế thân, thuế đàng, công phu, dao dịch đều được châm chước” (28).

Để giúp các học trò bớt khó khăn khi tham dự khoa cử, nhiều thôn xã thực hiện việc thưởng đồ dùng học tập cơ bản như: giấy, bút, sách vở, mực, tiền bạc, đưa đón xe

để họ yên tâm đi thi. Thôn xã sẽ định ngày, tập trung sĩ tử các trường tư tại đình để sát hạch, tùy vào mức đỗ đạt mà mức thưởng khác nhau, giấy dao động từ 50 trang đến 300 trang, bút thưởng từ 1 chiếc đến 5 chiếc. Ngoài thưởng giấy trắng, bút, nhiều thôn xã còn thưởng thêm cả tiền. Thôn Viên Sơn, huyện Yên Thành (nay thuộc xã Đông Thành, Nghệ An) khi có Cử nhân đi thi Hội, làng mừng 1 quan tiền, 1 cỗ xe êm đưa chân đến bản tỉnh. Tú tài đi thi hương thì làng dự mừng trâu, 3 tiền, 1 cỗ xe đưa chân đến đường cái quan (29).

Đáng chú ý, trong một số bản hương ước cũng có đề cập đến lệ đồng môn, chủ yếu là nêu lên trách nhiệm, nghĩa vụ của học trò trong lớp/trường đối với thầy giáo khi bản thân thầy ốm đau, qua đời hay gia đình nhà thầy có việc hiếu, hỷ. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua một số quy định về lệ đồng môn của thôn Yên Cư (nay thuộc xã Hưng Nguyên Nam, Nghệ An) như sau: “Nếu thầy có việc hôn lễ, đồng môn mừng tiền kẽm 5 quan, trâu rượu 1 mâm. Thầy có việc hiếu của cha mẹ, đồng môn mừng 5 quan tiền, 1 mâm trâu rượu. Thầy không may qua đời, đồng môn tập trung cùng nhau định liệu, tắm gội, chuẩn bị áo quần khâm liệm, chuẩn bị quan quách, xong việc trở về lo liệu lễ viếng” (30).

Học trò đỗ đạt, nhất là đạt học vị đại khoa (Tiến sĩ) đều được các làng đặc biệt coi trọng. Về mặt vật chất, họ được làng biếu câu đối, bức trướng, tiền, trâu, rượu, trà, pháo, có nơi thưởng xôi rượu, lợn, bò, ruộng... Tùy vào điều kiện kinh tế hoặc chính sách khuyến học của từng làng mà mức thưởng (chỉ gồm tiền hoặc kết hợp nhiều hiện vật) dành cho từng hạng đỗ có khác nhau. Như làng An Gia (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế) mừng người đỗ Tú tài 3 quan, Cử nhân thưởng 5 quan, Tiến sĩ 10 quan. Theo lệ làng Phù Lưu, Lộc Hà, Hà Tĩnh (nay thuộc xã Mai Phụ, Hà Tĩnh) vừa thưởng cho các vị tân khoa cả tiền

và bức đối trường có giá trị, trong đó người đỗ hạng đại khoa nhất giáp (Trạng nguyên) làng mừng 40 quan tiền, một bức trường trị giá 25 quan tiền; người đỗ đại nhị giáp (Bảng nhãn) mừng 30 quan, một bức trường trị giá 20 quan; người đỗ Tam giáp mừng 20 quan, một bức trường trị giá 15 quan; người đỗ Phó bảng mừng tiền 20 quan, một bức trường trị giá 3 quan tiền... (31).

Một số làng xã đã dùng ruộng học điền để ban thưởng cho những người đỗ đạt. Tùy từng địa phương, đối tượng được cấp học điền không giống nhau. Có nơi người dự thi được cấp, có nơi chỉ dành cho những người trúng Tú tài mới được cấp..., nhưng tựu trung thì đỗ càng cao, thưởng ruộng càng nhiều. Quy định hương lệ thôn Trường Lãng (nay thuộc xã Hưng Nguyên Nam, Nghệ An) thì làng dành 8 sào để làm ruộng học điền và chỉ cấp cho những người đã dự thi, trong đó: người trúng Tú tài cấp 1 mẫu 2 sào; người trúng Cử nhân được nhận 1 mẫu, 5 sào; người trúng Phó bảng được nhận 1 mẫu, 8 sào; người trúng Tiến sĩ được cấp 2 mẫu 5 sào (32):

Các làng xã vùng Bắc Trung Bộ cũng dành nhiều ân điển về mặt tinh thần đối với người có học hạnh, đỗ đạt khoa trường, chủ yếu nhất là tổ chức đón rước vinh quy bái tổ và tôn vinh nơi đình làng, ngôi thứ và chỗ ngồi trong hương ả.

Đón rước vinh quy bái tổ: Đây là một trong những hình thức khích lệ tinh thần khá phổ biến và rất được đề cao ở tất cả các làng xã vùng Bắc Trung Bộ. Bởi vậy, quy định về địa điểm, thành phần đón rước, cũng như nghi thức đón được đề cập rất cụ thể trong hương ước. Theo lệ làng Phong Lai (nay thuộc phường An Cựu, Tp.Huế), để chuẩn bị đón rước các tân Tiến sĩ, bản xã sẽ sắm heo, gạo nếp, trầu cau rượu, họp các ủy viên lý dịch, học trò sức dân đem lễ ấy đến tận Kinh đô làm lễ tặng tân khoa. Nếu là người đỗ Tiến sĩ,

đến ngày đón, các lý dịch trong xã cùng học trò và 15 người dân đình đi bộ lên Kinh đô để cùng đón rước cờ, biển về làng, còn lại tất cả mọi người trong làng “có khăn đen, áo dài, trống chiêng đủ bộ đến đón ở địa đầu của xã. Hễ thấy cờ, biển đến thì nổi trống chiêng nghênh tiếp, trước đưa về Văn miếu, sau đưa về đình làng làm lễ sơ yết. Sau khi lễ xong, cờ, biển được đưa về nhà đặt chỗ tôn kính... Sau khi nghênh đón, tế lễ xong, thì làng mừng tiền cho các tân khoa. Và khi các vị tân khoa trở lại Kinh đô để nhậm chức, thì xã sẽ sai dân làng đưa thuyền hộ tiễn” (33). Như vậy, khoảng cách xa gần tính từ bản thôn đến điểm đón tiếp tùy thuộc vào học vị của tân khoa, đỗ càng cao, quãng đường tiếp đón càng dài. Thông thường, Tú tài sẽ được đón tiếp tại bản xã, Cử nhân được đón tiếp ở đầu huyện, Tiến sĩ được đón tiếp ở đầu tỉnh. Đối với những làng không thực hiện nghi lễ đón vinh quy bái tổ, như làng Trường Lãng (nay thuộc xã Hưng Nguyên Nam, Nghệ An), thôn Phú Nghĩa, xã Quỳnh Hậu, Quỳnh Lưu (nay thuộc xã Quỳnh Lưu, Nghệ An); xã Diễn Nội (nay thuộc xã Công Chính, Thanh Hóa); một số làng của Huế như: làng An Gia (nay thuộc xã Quảng Điền, Tp.Huế), Thanh Phước (nay thuộc phường Hóa Châu, Tp. Huế), xã Hồng Ân, Hương Trà (nay thuộc phường Kim Trà, Tp.Huế)... khi tân khoa về quê, làng xóm đều thực hiện nghi thức đến nhà để chúc mừng.

Vị thứ đình trung: Từ thế kỷ XVII, tục trọng tước đã lấn át tục trọng xỉ trong nhiều làng xã ở Việt Nam, dù tục trọng xỉ vẫn được bảo lưu nhưng phải nhường vị trí hàng đầu cho tục trọng tước. Ở chốn đình trung, hương ước vẫn dành vị trí ưu tiên cho các nhà khoa bảng, cho những người có học hành, cho những người già cả. Những quan viên to chỉ xếp ngang với những người có đỗ cao, học giỏi. Việc dành một chỗ ngồi

cao nhất cho người đỗ đại khoa đã thể hiện rõ tinh thần trọng học, trọng khoa, vượt lên trên truyền thống trọng xỉ, trọng tước vốn tồn tại lâu dài nơi làng xã. Có thể thấy rõ ân điển này từ hương ước xã Hữu Bằng (nay là xã Hương Sơn, Hà Tĩnh) quy định chỗ ngồi có thức bậc ở chốn đình trung được chia làm ba bộ, trong đó bộ thứ nhất dành cho các viên đỗ đại khoa, phó bảng hoặc qua văn võ từ tứ phẩm trở lên, rồi mới đến Cử nhân, văn khoa và các quan văn, võ trật từ ngũ phẩm đến bát phẩm. Bộ thứ hai dành cho các viên Tú tài, Cống sinh, Cử nhân võ, quan văn cửu phẩm, trưởng lão, trùm trưởng. Bộ thứ ba là các hạng còn lại. Thậm chí, cũng theo quy định của làng, vào các kỳ tế lễ tại đình, trong các bài văn tế khi viết tên các viên trong xã phải theo thứ tự từ trên xuống dưới như ở chỗ ngồi chốn đình trung, nghĩa là đứng đầu là các vị đỗ đại khoa, các vị án quan văn võ trở lên, rồi mới đến phó bảng...

Vào hội Tư văn: Hội Tư văn là một tổ chức xã hội có vai trò rất quan trọng trong đời sống sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của làng xã, ra đời trên cơ sở nền giáo dục Nho học mở rộng, phát triển xuống cấp làng xã đã lôi cuốn nhiều người học chữ Nho tập hợp lại với nhau. Hội Tư văn là tổ chức xã hội đứng ra điều hành nghi lễ các tiết lễ liên quan đến Nho giáo, chủ yếu nhất là hoạt động tế lễ thờ Đức Khổng Tử cùng các bậc Tiên hiền (tế Xuân-Thu). Do đó việc được vào hội Tư văn, hoặc trở thành người đứng đầu hội là niềm mong mỏi của thành viên trong làng, nhưng thực tế không phải ai cũng vào được hội. Theo quy định của nhiều làng qua hương ước, điều kiện gia nhập hội Tư văn, phải là người có học, biết chữ, đồng thời phải có phẩm chất, đạo đức trong sạch, không có tiếng bất hảo. Trong kỳ tiết lễ, viên Trưởng hội đứng ra cất đặt nhiệm vụ cho thành viên của hội phục vụ tế lễ, gồm người sắm lễ, người giữ vai trò Chủ tế, Bồi

tế... Trong đó Trùm Tư văn hoặc bất cứ thành viên nào của hội đều có thể giữ chức Chủ tế, quan trọng người đó phải là người hiểu chữ nghĩa, có hiếu hạnh, phu phụ (chồng vợ) song toàn, không vướng bụi (không có đại tang). Hầu như làng nào có hội Tư văn thì những người hiểu biết Nho học đều là thành viên của hội.

Ngoài những ân điển trên đây, hương ước cũng quy định những người có học hạnh, đỗ đạt khi về làng đều được tham gia vào những công việc trọng đại của làng như viết văn tế, làm chủ tế trong các dịp tiết lễ của làng; bầu vào hàng chức dịch làng xã hoặc giữ chức Thủ bạ (giữ sổ sách cho làng). Theo lệ làng Yên Cư (nay thuộc xã Hưng Nguyên Nam, Nghệ An): quyết định chọn 1 người tính tình thuần nhã, gia đình có của cải, biết chữ, mẫn cán bầu làm Lý trưởng, 1 người giữ chú Thủ bạ của làng (người giữ sổ sách) cho làng.

Không chỉ bản thân người đỗ đạt được hưởng ân điển, cha mẹ của họ nhờ thành tựu của con mà được làng trọng vọng. Theo quy định của làng An Lạc (nay thuộc xã Kim Liên, Nghệ An) trong xã, gia đình nào có con xuất thân khoa cử, mặc dù tuổi chưa cao vẫn được xếp vào vị thứ quan viên của làng. Hoặc như lệ của làng Hoàng Lộc (nay là xã Hoàng Lộc, Thanh Hóa) thực hiện việc ưu tiên chỗ ngồi tốt trong chợ cho những người phụ nữ của làng đã có công giúp chồng, nuôi con ăn học, thi đậu thành tài.

4. Một số nhận xét

Từ các bản hương ước chúng tôi lựa chọn để nghiên cứu về giáo dục làng xã vùng Bắc Trung Bộ (từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX), mặc dù các điều khoản phản ánh giáo dục chưa nhiều, không đều nhau giữa các địa phương nhưng lại đề cập khá đa dạng hoạt động giáo dục, phản ánh bao quát các chính sách giáo dục của làng xã vốn được cụ thể hóa từ chính sách giáo dục chung

của nhà nước: từ việc dựng trường, mời thầy về dạy, kinh phí hoạt động đến các chính sách khuyến khích việc học, việc thi cử, cùng các chế tài xử phạt dành cho người lười học, giả danh đi học. Mặc dù, từng khía cạnh cụ thể của giáo dục phản ánh qua hương ước được vận dụng ở từng địa phương có khác nhau vì phụ thuộc điều kiện từng làng, nhưng nhìn chung tất cả những hoạt động giáo dục đó đều chịu ảnh hưởng khá sâu sắc bởi ý thức hệ Nho giáo. Nội dung các điều khoản trong hương ước của mỗi làng dù ít hay nhiều đều vẫn đề cao tinh thần hiếu học, coi trọng việc học, đề cao truyền thống tôn sư trọng đạo, nhất là tư tưởng tôn vinh, trọng người khoa cử ở chốn đình trung nơi làng xã.

Với quan điểm “Nhân bất học, bất tri lý” (Người không học không biết được lý lẽ), thông qua hương ước, chính quyền cấp cơ sở vùng vùng Bắc Trung Bộ không chỉ yêu cầu nghiêm khắc mỗi dòng họ, gia đình và bản thân người học trong làng phải chịu trách nhiệm trong việc đi học, nghiêm túc học tập chăm chỉ thành tài (ngoại trừ những gia đình nghèo khó không thể đi học), mà còn đặt ra những quy định chặt chẽ về lệ thưởng phạt, các ân điển tôn vinh học trò đỗ đạt... Chính những quy định này đã góp phần rất lớn trong việc lan tỏa chính sách khuyến học của nhà nước tới mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành viên, gia đình, dòng họ trong làng nâng cao truyền thống hiếu học. Đặc biệt, đối với vùng Bắc Trung Bộ, khi đời sống của đông đảo người dân còn nhiều khó khăn, thì khát vọng học để làm quan, thay đổi thân phận của tầng lớp nông dân nghèo khổ, và nhất là tâm lý “một người làm quan cả họ được nhờ” đã trở thành động lực in đậm trong tiềm thức của nhiều nho sĩ nơi đây. Ý chí đó đã giúp các sĩ tử vượt qua khó khăn về cuộc sống thường ngày, thi cử đỗ đạt, góp phần tiếp tục duy trì và phát huy truyền thống hiếu học,

khoa bảng. Kết quả là số lượng người đỗ đạt ngày càng cao. Tính đến triều Nguyễn, cùng với sự mở rộng lãnh thổ, thống nhất đất nước số người học, tham gia thi cử và đỗ đạt vùng Bắc Trung Bộ ngày càng tăng lên. Tính riêng số Tiến sĩ, Nghệ An có 83 Tiến sĩ, Huế 65 Tiến sĩ (gồm 31 Tiến sĩ và 34 Phó bảng), Hà Tĩnh có 53 Tiến sĩ; tỉnh Quảng Bình: 43 Tiến sĩ. Về số lượng cử nhân đỗ trong các khoa thi Hương của triều Nguyễn, vùng Trung Bộ chiếm tỷ lệ khá cao, gồm: 2.934/5.233 cử nhân (chiếm 56,07%) so với của cả nước; vùng Bắc Bộ có 2.030/5.233 cử nhân (chiếm 38,79%), vùng Nam Bộ có: 269/5.233 cử nhân (chiếm 5,14%). Nhiều gia đình, dòng họ, làng khoa bảng được hình thành và tiếp nối qua nhiều thế hệ. Trong đó có những dòng họ nổi tiếng được ghi nhớ trong tiềm thức của dân gian cho đến ngày nay như “họ Đinh đánh giặc, họ Đặng làm quan”, “Nhất Thân, nhì Đặng, tam Hà” (chỉ họ Đặng ở Thanh Lương, họ Thân ở Nguyệt Biều của Thừa Thiên Huế); “Cơm Nông Cống, cá Quảng Xương, văn chương Hoàng Hóa”, “Thi Hoàng Hóa, khóa Đông Sơn” (ở Thanh Hóa), “Đông Sơn tứ bôn, Hoàng Hóa lưỡng bột”, “Bao giờ ngàn Hống hết cây, sông Rum hết nước họ này hết quan” để chỉ dòng họ Nguyễn làng Tiên Điền (Hà Tĩnh).

Tóm lại, dù chưa phải là một bộ luật hoàn chỉnh nhưng hương ước với những điều khoản quy định khá đa dạng về hoạt động giáo dục nơi làng xã vùng Bắc Trung Bộ đã có một vai trò như “cương lĩnh” để mọi cá nhân, mọi tổ chức trong làng, trong xã phải tuân thủ. Chính điều lệ về giáo dục trong hương ước đã góp phần rất lớn vào việc định hướng, nâng cao ý thức học tập của mỗi cá nhân, gia đình, dòng họ, bảo lưu được truyền thống tôn sư trọng đạo. Đây là những giá trị truyền thống tốt đẹp của lịch sử giáo dục Nho học Việt Nam cần được tiếp nối, kế thừa và phát huy trong bối cảnh xã hội hiện nay.

CHÚ THÍCH

- (1). Ninh Viết Giao (cb), *Hương ước Nghệ An*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.15.
- (2). Nguyễn Hữu Thông (cb), *Mạch sống của hương ước trong làng Việt Trung Bộ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2007, tr.56.
- (3). Sự phân bố các văn bản hương ước theo địa phương gồm: Thanh Hóa: 11 văn bản, Nghệ An: 20 văn bản, Hà Tĩnh: 6 văn bản, Tp. Huế: 10 văn bản; Quảng Trị 02 văn bản.
- (4). Tục lệ thôn Bùi Châu, xã Bùi Ngõa, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, trong: Lê Thị Thu Hương, *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2022, tr.38.
- (5), (6). Hương ước xã Phù Lưu, tổng Phù Lưu, huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh, trong: Võ Quang Vinh, *Hương ước Hà Tĩnh*, Nxb. Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, 1996, tr.43, 47.
- (7). Tờ thuận định khích lệ học trò gắng công học tập làng Ngọc Anh, phường Phú Thượng, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế, trong: Sở Văn hóa Thông tin Thừa Thiên Huế, *Hương ước các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, 2023, tr.175.
- (8), (9), (16), (18). Hương lệ làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, trong: *Hương ước Nghệ An*, sdd, tr.131, 78, 98, 433.
- (10). Hương ước làng Khánh Mỹ, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế, trong: *Hương ước các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, sdd, tr.100.
- (11). Khoán ước Vĩnh Nghiệp diên thổ Phúc Kinh, huyện Đăng Xương, Quảng Trị, trong: *Mạch sống của hương ước trong làng Việt Trung Bộ*, sdd, tr.566.
- (12). Điều lệ xã An Gia, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong: Lê Nguyễn Lưu, *Khoán định, hương ước và nếp sống văn hóa làng xứ Huế thế kỷ XVII đầu thế kỷ XX*, Nxb. Thời đại, 2008, tr.207.
- (13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 4, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.401.
- (14). Quy ước của thôn Thượng An, Quỳnh Lưu, Nghệ An, trong: *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm*, sdd, tr.133.
- (15). Tục lệ thôn Ngọc Điền, xã Do Lễ trong: *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm*, sdd, tr.145.
- (17). Hương lệ thôn Yên Pháp, tổng Đô Yên, phủ Hưng Nguyên trong: *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm*, sdd, tr.187.
- (19). Đỗ Thị Hào (Cb), *Tục hay, lệ lạ Thăng Long -Hà Nội*. Nxb. Phụ nữ, 2016, tr.261.
- (20), (23). Khoán định xã Xuân Hòa, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế, trong: *Khoán định - Hương ước và nếp sống văn hóa làng xứ Huế thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XX*, sdd, tr.203.
- (21). Khoán định làng Đan Tràng, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, trong: *Hương ước Hà Tĩnh*, sdd, tr.121.
- (22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.867.
- (24). Điều lệ xã An Gia, huyện Quảng Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế, trong: *Mạch sống của hương ước trong làng Việt Trung Bộ*, sdd, tr.577 -578.
- (25). Hương ước làng Phú Văn, huyện Yên Thành, Nghệ An, trong: *Hương ước Nghệ An*, sdd, tr.166.
- (26). Điều lệ làng Đông Xuyên, xã Quảng An, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế, trong: *Hương ước các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế* (tuyển dịch), sdd, tr.123.
- (27). Khoán ước thôn Phú Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, trong: *Hương ước Nghệ An*, sdd, tr.212.
- (28). Điều ước xã Đôi Phục, huyện Nông Cống, Thanh Hóa, trong: *Hương ước Thanh Hóa*, sdd, tr.89.
- (29). Khoán lệ làng Viên Sơn, Yên Thành, Nghệ An, trong: *Hương ước Nghệ An*, sdd, tr.155.
- (30). Tục lệ làng Yên Cự, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, trong: *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm*, sdd, tr.282-283.
- (31). Hương ước xã Phù Lưu, tổng Phù Lưu, huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh, trong: *Hương ước Hà Tĩnh*, sdd, tr.49.
- (32). Tục lệ thôn Trường Lãng, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, trong: *Truyền thống khuyến học ở Nghệ An qua tư liệu Hán Nôm*, sdd, tr.274.
- (33). Khoán ước làng Phong Lai, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế, trong: *Mạch sống của hương ước trong làng Việt Trung Bộ*, sdd, tr.621.